

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/13

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
Sản phẩm: **OXOOIL 9 N**

Phiên bản: 1.0

(30035083/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm:
OXOOIL 9 N

Sử dụng: (các) dung môi

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3824 3833
Số fax: +84 28 3824 3832
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)
Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:
Chất gây dị ứng da: Cat.1B

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Hình đồ cảnh báo:



BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
 Sản phẩm: **OXOOIL 9 N**

Phiên bản: 1.0

(30035083/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

Cảnh báo:

Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ:

H317

Có thể gây phản ứng dị ứng da.

Biện pháp phòng ngừa:

Đeo găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/bảo vệ mặt/bảo vệ thính giác/...

Tránh hít phải sương hoặc hơi hoặc bụi nước

P272

Áo quần làm việc bị nhiễm bẩn hóa chất không được phép mang ra khỏi khu vực làm việc.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P302+P352

NEU DÍNH TRÊN DA: Rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.

P333+P313

Nếu kích ứng da kéo dài hoặc bị phát ban: Yêu cầu trợ giúp y tế

P362 + P364

Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.

Lưu ý khi thải bỏ:

P501

Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Trường hợp thông tin ứng dụng được cung cấp trong phần này về những mối nguy cơ khác không đưa đến kết quả phân loại nguy hiểm nhưng vẫn ảnh hưởng đến những nguy cơ tổng quát của đơn chất hoặc hợp chất.

Xem phần 12 - Kết quả đánh giá PBT và vPvB

3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: Chất

hydroformulation products of C8-alkenes, high-boiling (Hàm lượng (W/W): 100 %)

Số CAS: 68526-89-6

Thành phần nguy hại

hydroformulation products of C8-alkenes, high-boiling

Hàm lượng (W/W): $\geq 100\%$ - \leq Skin Sens.: Cat. 1B

100 %

Số CAS: 68526-89-6

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:

Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
Sản phẩm: **OXOOIL 9 N**

Phiên bản: 1.0

(30035083/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

Nếu hít phải:

Nếu cảm thấy khó chịu sau khi hít phải hơi nước/sol khí, di chuyển ra nơi có không khí trong lành và gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:

Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:

Rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to.

Khi nuốt phải:

Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:

Triệu chứng: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11., Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Những mối nguy hiểm: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11. Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

bột khô, Phun nước, cacbon dioxide, bột

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:

Vòi phun nước

Thông tin bổ sung:

Sử dụng phương pháp dập tắt thích hợp với khu vực xung quanh.

Những mối nguy hiểm cụ thể:

Sản phẩm dễ cháy. Làm mát các thùng nguy hiểm bằng cách phun nước. Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:

Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập. Phương tiện bảo vệ cá nhân đặc biệt cho lính cứu hỏa

Thông tin bổ sung:

Những người không phận sự không được vào khu vực. Chữa cháy từ khoảng cách xa nhất có thể.

Thông tin bổ sung:

Mở rộng các biện pháp chữa cháy Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất theo các quy định chính thức.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
Sản phẩm: **OXOOIL 9 N**

Phiên bản: 1.0

(30035083/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần.

Cởi bỏ tất cả quần áo nhiễm bẩn hoá chất ngay lập tức

Cảnh báo môi trường:

Do giá trị pH của sản phẩm, thông thường đòi hỏi phải trung hòa trước khi thải chất thải vào các nhà máy xử lý.

Tránh thải vào môi trường.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Thu gom bằng dụng cụ phù hợp và thải bỏ. Lượng đổ tràn nên được chặn lại, đông đặc lại, và được đặt trong các thùng chứa thích hợp để thải bỏ. Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định.

Thông tin bổ sung: Rủi ro trượt ngã cao do rò rỉ/tràn đổ sản phẩm.

Chặn hoặc khóa nguồn tràn đổ. Ngắt hay ngưng chất/sản phẩm được xả ra theo các điều kiện an toàn.

Đóng trong thùng kín khi thải bỏ.

7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Tránh các tiếp xúc trực tiếp với chất/sản phẩm. Phải bảo đảm thông thoáng hoàn toàn ở khu vực lưu trữ và làm việc. Thay quần áo ngay sau khi nhiễm bẩn.

Phòng chống cháy nổ:

Không cần thiết cảnh báo đặc biệt. Chất/Sản phẩm không dễ cháy.

Hướng dẫn bảo quản

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Các thùng chứa nên được đóng kín ở nơi khô ráo.

8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

Không có giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp cụ thể được biết đến.

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Mang thiết bị bảo vệ hô hấp nếu hệ thống thông thoáng không đầy đủ. Bộ lọc khí dành cho khí/ hơi của các hợp chất hữu cơ (điểm sôi >65 °C, vd EN 14387 Loại A)

Bảo vệ tay:

Găng tay bảo vệ chống hóa chất (EN ISO 374-1)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
 Sản phẩm: **OXOOIL 9 N**

Phiên bản: 1.0

(30035083/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

Vật liệu thích hợp khi tiếp xúc thời gian dài, tiếp xúc trực tiếp (đề nghị: Bảo vệ trong phụ lục 6, tương ứng thời gian thấm thấu > 480 phút theo EN ISO 374-1):

cao su butil - bề dày lớp phủ 0.7 mm

Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất gắng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các gắng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thấm thấu được xác định qua các thí nghiệm

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chấn bảo vệ các cạnh (khung kính) (f.e. EN 166) và tấm che mặt.

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Yêu cầu mặc trang phục làm việc bó sát ngoài thiết bị bảo vệ cá nhân đã nêu.

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng:	chất lỏng	
Màu sắc:	hơi vàng	
Mùi:	trong suốt đến màu đục	
Ngưỡng mùi:	gần như không mùi	
	không được xác định	
Giá trị pH:	4.5	(OECD Guideline 105)
	(258 mg/l, 20 °C)	
điểm nóng chảy:	< -50 °C	(được đo lường)
Điểm sôi:	294 °C	(được đo lường)
	(1,013 hPa)	
Điểm chớp cháy:	131 °C	(ISO 2719, cốc kín)
Tốc độ bay hơi:		
	Giá trị gần đúng theo Định luật Henry hoặc theo áp suất hơi.	
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	khó cháy	(được bắt nguồn từ điểm chớp cháy)
Giới hạn nổ dưới (LEL):		
	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn., Giới hạn nổ dưới có thể thấp hơn từ 5 - 15 °C so với độ chớp cháy.	
Giới hạn nổ trên (UEL):		
	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn.	
Nhiệt độ tự cháy:	240 °C	(DIN 51794)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
 Sản phẩm: **OXOOIL 9 N**

Phiên bản: 1.0

(30035083/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

Phân huỷ do nhiệt:	Không phân huỷ nếu được cất trữ và sử dụng như được chỉ dẫn/ quy định.	
Tự bắt cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó, sản phẩm không được phân loại là tự cháy.	Loại thí nghiệm: Tự bốc cháy ở nhiệt độ phòng
Khả năng tự gia nhiệt:	Không áp dụng, sản phẩm là chất lỏng	
Nguy cơ nổ:	Dựa trên cấu trúc hóa học không có biểu hiện cho thấy có các thuộc tính nổ.	
Những đặc tính làm tăng cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó sản phẩm không được phân loại là oxy hóa.	
Áp suất hơi:	4.1 hPa (20 °C) tính điện	(OECD-Hướng dẫn 104)
Tỷ trọng:	0.8611 g/cm3 (20 °C) chất lỏng	(DIN 53217)
Tỷ trọng tương đối:	0.8611 (20 °C)	
Tính tan trong nước:	8 - 258 mg/l (20 °C)	
Độ hoà tan (định tính) (các) dung môi:	các dung môi hữu cơ hoà tan	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	6.1 - 11.2 (23 °C; Giá trị pH: 6.1)	(OECD-Hướng dẫn 117)
Hấp thụ/nước - đất:	biểu đồ KOC: > 5.63	(Hướng dẫn 121 - OECD)
Sức căng bề mặt:	Dựa trên cấu trúc hóa học, không có khả năng có bề mặt hoạt tính.	
Tính nhớt, động lực:	22 mPa.s (20 °C)	(được tính toán (từ độ nhớt động học).)
Tính nhớt, động học:	25.55 mm2/s (20 °C)	(DIN 51562)

Đặc điểm của hạt

Phân bố kích thước hạt: Chất/ sản phẩm được giới thiệu ra thị trường hay được sử dụng dưới hình thức không rắn hay bột. -

10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
Sản phẩm: **OXOOIL 9 N**

Phiên bản: 1.0

(30035083/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

Những điều kiện cần tránh:

Không có cảnh báo đặc biệt nào hơn việc giữ gìn vệ sinh nhà xưởng chứa hoá chất.

Phân huỷ do nhiệt:

Không phân huỷ nếu được cất trữ và sử dụng như được chỉ dẫn/ quy định.

Những chất cần tránh:

các tác nhân oxy hóa mạnh

Sự ăn mòn kim loại: Không dự đoán ăn mòn kim loại.

Những phản ứng nguy hiểm:

Phản ứng với các tác nhân oxy hóa mạnh.

Các sản phẩm phân huỷ nguy hại:

Không có các sản phẩm phân huỷ nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Khả năng phản ứng:

Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

11. Thông tin về độc tính

Các đường tiếp xúc

Độ độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

LD50chuột (miệng): > 2,000 mg/kg (OECD-Hướng dẫn 420)

Độ độc cấp tính khi hít phải

(bằng cách hít phải): Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

Độ độc cấp tính trên da

LD50 chuột (da): > 2,000 mg/kg (OECD-Chỉ thị 402)

Đánh giá độ độc cấp tính

Hầu như không độc sau 1 lần ăn vào. Hầu như không độc sau 1 lần tiếp xúc với da.

Triệu chứng

Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11. Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:

Không gây kích ứng da. Không gây kích ứng mắt.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: không gây kích ứng (OECD hướng dẫn 404)

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng: không gây kích ứng (OECD hướng dẫn 405)

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:
Có thể làm mẫn cảm sau khi tiếp xúc với da.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
Thử nghiệm trong ống nghiệm Trong các thí nghiệm: làm mẫn cảm da (In vitro skin sensitization test battery)

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:
Chất không gây đột biến trên vi khuẩn. Chất không gây đột biến trên tế bào động vật có vú.

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:
Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:
Những kết quả nghiên cứu trên động vật không cho thấy tác dụng giảm khả năng sinh sản.

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:
Không chỉ số nào về tác dụng gia tăng độc tính/ gây quái thai được nhìn nhận trong các nghiên cứu trên động vật.

Độ độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)

Theo những thông tin hiện có, không phát hiện độc tính trên cơ quan đặc biệt của cơ thể sau một lần tiếp xúc với hóa chất.

Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:
Không tìm thấy độc tính lên các cơ quan cụ thể sau khi cho động vật tiếp xúc nhiều lần với hóa chất.

Nguy cơ khi hít vào

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.

12. Thông tin về sinh thái

Độc sinh thái

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Không có tác động gây độc xảy ra trong giới hạn thang hoà tan. Một khả năng cao là sản phẩm không gây nguy hại sâu đến sinh vật thủy sinh. Dựa trên dữ liệu nghiên cứu độc tính (mạn tính) lâu dài, sản phẩm hầu như không gây hại cho sinh vật dưới nước Sự kìm hãm quá trình phân huỷ của bùn hoạt tính không thể đoán trước khi cho vào nhà máy xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học ở nồng độ thấp.

Độc với loài cá:

LL50 (96 h) > 100 mg/l, *Oncorhynchus mykiss* (OECD 203; ISO 7346; 84/449/EEC, C.1, bán tính)
Sản phẩm có tính hòa tan thấp trong môi trường thí nghiệm. Chất thải được tiến hành thí nghiệm. Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Loài không xương sống thủy sinh:

EL50 (48 h) > 100 mg/l, *Daphnia magna* (Hướng dẫn OECD 202, phần 1, tính điện)
Sản phẩm có tính hòa tan thấp trong môi trường thí nghiệm. Chất thải được tiến hành thí nghiệm. Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Thực vật thủy sinh:

EL50 (72 h) > 100 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Desmodesmus subspicatus* (Hướng dẫn OECD 201)
Sản phẩm có tính hòa tan thấp trong môi trường thí nghiệm. Chất thải được tiến hành thí nghiệm. Chỉ thí nghiệm nồng độ có giới hạn (thí nghiệm GIỚI HẠN). Nồng độ danh nghĩa.

EL10 (72 h) > 100 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Desmodesmus subspicatus* (Hướng dẫn OECD 201)
Sản phẩm có tính hòa tan thấp trong môi trường thí nghiệm. Chất thải được tiến hành thí nghiệm. Chỉ thí nghiệm nồng độ có giới hạn (thí nghiệm GIỚI HẠN). Nồng độ danh nghĩa.

EC50 (7 d) > 100 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Lemna gibba* (OCED_Hướng dẫn 221, bán tính)
Sản phẩm có tính tan thấp trong môi trường thí nghiệm. Thí nghiệm về dung dịch bão hòa đã được thực hiện. Chỉ thí nghiệm nồng độ có giới hạn (thí nghiệm GIỚI HẠN). Không có tác động ở nồng độ thí nghiệm cao nhất.

EC10 (7 d) > 100 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Lemna gibba* (OCED_Hướng dẫn 221, bán tính)
Sản phẩm có tính tan thấp trong môi trường thí nghiệm. Thí nghiệm về dung dịch bão hòa đã được thực hiện. Chỉ thí nghiệm nồng độ có giới hạn (thí nghiệm GIỚI HẠN). Không có tác động ở nồng độ thí nghiệm cao nhất.

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC50 (180 min) > 1,000 mg/l, (Hướng dẫn OECD 209, tính điện)

Độc mãn tính cho loài cá:

EC10 (36 d) > 10 mg/l, *Brachydanio rerio* (OECD Guideline 210, Chảy qua.)
Sản phẩm có tính tan thấp trong môi trường thí nghiệm. Thí nghiệm về dung dịch bão hòa đã được thực hiện. Chỉ thí nghiệm nồng độ có giới hạn (thí nghiệm GIỚI HẠN). Không có tác động ở nồng độ thí nghiệm cao nhất.

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:

EC10 (21 d), > 10 mg/l, *Daphnia magna* (OECD Hướng dẫn 211, bán tính)
Sản phẩm có tính tan thấp trong môi trường thí nghiệm. Thí nghiệm về dung dịch bão hòa đã được thực hiện. Chỉ thí nghiệm nồng độ có giới hạn (thí nghiệm GIỚI HẠN). Không có tác động ở nồng độ thí nghiệm cao nhất.

Đánh giá độ độc với động vật trên cạn:

Vi sinh vật sống trong đất:

LC50 (14 d) > 1,000 mg/kg, *Giun Eisenia foetida* (Hướng dẫn OECD 207, đất nhân tạo)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
Sản phẩm: **OXOOIL 9 N**

Phiên bản: 1.0

(30035083/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

Thực vật trên cạn:

Nồng độ tác động không quan sát được (21 d) 125 mg/l, Brassica napus (Hướng dẫn OECD 208)

Những loài động vật không có vú trên cạn khác:

Không có sẵn các dữ liệu.

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Không có sẵn các dữ liệu.

Có khả năng hấp thụ trong đất rắn.

Tính bền và tính biến chất

Thông tin bị đào thải:

97 - 100 % Sự hình thành CO₂ có liên quan đến chỉ số lý thuyết (42 d) (OECD 301B; ISO 9439; 92/69/EWG, C.4-C) (hiếu khí, bùn hoạt tính, sinh hoạt, không được thích ứng)

Đánh giá tính ổn định trong nước:

Dựa vào thuộc tính cấu trúc, sự thủy phân không chắc chắn xảy ra.

Thông tin về tính ổn định trong nước (Thủy phân):

Chưa tiến hành toàn bộ các thí nghiệm đối với sản phẩm này. Các báo cáo được đưa ra dựa trên các sản phẩm có cấu trúc và thành phần giống với sản phẩm này.

Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:

Vì có thể có hệ số phân bố n-octanol/nước (log Pow) tích tụ trong các cơ quan.

Khả năng tích lũy sinh học:

Vì có thể có hệ số phân bố n-octanol/nước (log Pow) tích tụ trong các cơ quan.

13. Thông tin về thải bỏ

Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm như:

- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội : Luật Bảo Vệ Môi Trường.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phải được thải bỏ hoặc đốt phù hợp với quy định địa phương.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:

Bao bì nhiễm bẩn nên được trút ra tối đa có thể, sau đó chúng có thể được chuyển đi tái sinh sau khi được làm sạch hoàn toàn.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
 Sản phẩm: **OXOOIL 9 N**

Phiên bản: 1.0

(30035083/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
Số UN hoặc số ID	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Vận tải đường thủy

IMDG	
Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải	
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Ô nhiễm hàng hải: không
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Sea transport

IMDG	
Not classified as a dangerous good under transport regulations	
UN number or ID number:	Not applicable
UN proper shipping name:	Not applicable
Transport hazard class(es):	Not applicable
Packing group:	Not applicable
Environmental hazards:	Not applicable
	Marine pollutant: no
Special precautions for user	None known

Vận tải hàng không

IATA/ICAO	
Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải	
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Air transport

IATA/ICAO	
Not classified as a dangerous good under transport regulations	
UN number or ID number:	Not applicable
UN proper shipping name:	Not applicable
Transport hazard class(es):	Not applicable
Packing group:	Not applicable
Environmental hazards:	Not applicable
Special precautions for user	None known

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
Sản phẩm: **OXOOIL 9 N**

Phiên bản: 1.0

(30035083/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

Vận tải biển số lượng lớn theo quy định của IMO**Maritime transport in bulk according to IMO instruments**

Không được vận chuyển đường biển số lượng lớn mà chưa dự kiến.

Maritime transport in bulk is not intended.

15. Thông tin về pháp luật

Những quy định khác

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất:

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- QCVN 05A:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm;

- Sửa đổi 1:2024 QCVN 05A:2020/BCT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm;

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất

- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất

- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ;

- Nghị định 34/2024/nđ-cp ngày 31/03/2024 quy định về danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa tải

- Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa;

- Nghị định số 71/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
Sản phẩm: **OXOOIL 9 N**

Phiên bản: 1.0

(30035083/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Những hàng trống bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.